

Số: 03 /TM-TTYT

U Minh Thượng, ngày 05 tháng 01 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Mua sắm hóa chất xét nghiệm và hóa chất thông dụng, giai đoạn 2023 – 2025 (24 tháng) tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng

Kính gửi: Các Công ty và Các Doanh nghiệp,

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 ;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng có kế hoạch Mua sắm hóa chất xét nghiệm và hóa chất thông dụng, giai đoạn 2023 – 2025 (24 tháng) tại Trung tâm y tế huyện U Minh Thượng, nhằm đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh cho bệnh nhân tại đơn vị theo hình thức mua sắm đấu thầu rộng rãi.

Bằng thư này, Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang mời Quý công ty tham gia chào giá những mặt hàng hóa chất (*Phụ lục đính kèm*).

Khi chào giá, các Công ty cần lưu ý:

- Báo giá theo các nội dung của Trung tâm yêu cầu, chỉ báo giá cho những mặt hàng trong danh mục kèm theo.

- Đơn giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí vận chuyển giao hàng.

- Bảng chào giá phải được đại diện hợp pháp nhà thầu ký tên và đóng dấu. Báo giá phải ghi rõ ngày/tháng/năm và phải đóng dấu giáp lai (nếu trên 2 tờ giấy).

Thời gian chào giá: **Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 06/01/2023**

Thời gian kết thúc: **Lúc 16 giờ, ngày 13/01/2023**

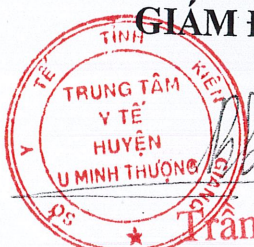
Địa điểm nộp báo giá trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm y tế U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: ấp Công Sự, xã An Minh Bắc, U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại liên hệ: 02973.3522.121

Sau thời gian nêu trên chúng tôi sẽ không chấp nhận báo giá.

Trân trọng kính mời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD .

GIÁM ĐỐC

Trần Bằng Lăng



SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN U MINH THUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ HÓA CHẤT THÔNG DỤNG, GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

(Đính kèm Thư mời chào giá số 03 /TM-TTYT ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Trung tâm Y tế huyện U Minh Thuy)

STT	Phân nhóm theo TT14/2020/TT-BYT	Tên hóa chất (Tên dùng chung không ghi tên thương mại)	Quy cách đóng gói tham khảo	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Đơn giá chào (có VAT)	Đơn giá kê khai	Mã kê khai	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Hóa chất chạy máy Sinh hóa BS-300									
1		GOT(AST) FL	8x50ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa Thành phần: 1) R1: Đóng gói F400: 8 x 40 ml. Thành phần: TRIS buffer 80 mM pH 7.65, L-Aspartate 240 mM, MDH (malate dehydrogenase) ≥600 U/L, LDH (lactate dehydrogenase) ≥900 U/L, 2-Oxoglutarate 12 mM, NADH 0.18 mM 2) R2: Đóng gói F400: 2 x 40 ml. Thành phần: TRIS buffer 80 mM pH 7.65, L-Aspartate 240 mM, MDH (malate dehydrogenase) ≥600 U/L, LDH (lactate dehydrogenase) ≥900 U/L, 2-Oxoglutarate 12 mM, NADH 0.18 mM		ml				

2		GPT(ALT) FL	8x50ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F400: 8 x 40 ml. Thành phần: TRIS buffer 100 mM pH 7.15, L-Aspartate 500 mM, LDH (lactate dehydrogenase) ≥ 1700 U/L, 2-Oxoglutarate 15 mM, NADH 0.18 mM 2) R2: Đóng gói F400: 2 x 40 ml. Thành phần: TRIS buffer 100 mM pH 7.15, L-Aspartate 500 mM, LDH (lactate dehydrogenase) ≥ 1700 U/L, 2-Oxoglutarate 15 mM, NADH 0.18 mM		ml					
3		Triglycerides	4x100ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F400: 4 x 100 ml. Thành phần: Good's buffer pH 6.8, ATP 2 mM, Glycerokinase (GK) ≥ 300 U/L, Peroxidase (POD) ≥ 1000 U/L, Lipoprotein lipase (LPL) ≥ 1000 U/L, 4-AAP 0.3 mM, Glycerol-3-phosphate-oxidase (GPO) ≥ 2000 U/L, TOPS 3 mM, 4-AAP 0,3 mM, chất hoạt động bề mặt và chất ổn định.		ml					
4		Cholesterol	4x100ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F400: 4x100 ml. Thành phần: Good's buffer pH 7.2 , sodium cholate 8 mM, Cholesterol esterase (CHE) ≥ 400 U/L, CHOD ≥ 200 U/L, Peroxidase (POD) ≥ 500 U/L, 4-AAP 0.6 mM, 4-chlorophenol 2 mM		ml					
5		Creatinine	4x125ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói 0500 CH:2x125 ml. Thành phần: Picric acid 14 mM, NaOH 0.18 M, Sodium tetraborate 10 mM 2) R2: Đóng gói 0500 CH:2x125 ml Thành phần: Picric acid 14 mM, NaOH 0.18 M, Sodium tetraborate 10 mM		ml					

6		Glucose	4x250ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F400: 4 x 100 ml. Thành phần: phosphate buffer pH 6.50 220 mM, GOD $\geq$ 15000 U/L, POD $\geq$ 500 U/L, 4-AAP 1 mM, phenol 10mM, surfactant		ml				
7		Acid Uric FL	8x50ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F402: 4 x 80 ml. Thành phần: Phosphate buffer pH 7.0, ADPS $\geq$ 0.2 mM, 4 -Aminoantipyrine 0.3 mM, Peroxidase (POD) $\geq$ 2500 U/L, Uricase $\geq$ 450 U/L, surfactant 2) R2: Đóng gói F402: 1 x 80 ml. Thành phần: Phosphate buffer pH 7.0, ADPS $\geq$ 0.2 mM, 4 -Aminoantipyrine 0.3 mM, Peroxidase (POD) $\geq$ 2500 U/L, Uricase $\geq$ 450 U/L, surfactant		ml				
8		Urea U.V	8x40 ml	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) R1: Đóng gói F400: 8 x 40 ml. Thành phần: CAPSO buffer pH 7.6 8mM, 2-Oxoglutarate 7.5 mM, Urease $\geq$ 8 kU/L, GLDH (Glutamate dehydrogenase, bovine) $\geq$ 800U/L, NADH 0.25 mM 2) R2: Đóng gói F400: 2 x 40 ml. Thành phần: CAPSO buffer pH 7.6 8mM, 2-Oxoglutarate 7.5 mM, Urease $\geq$ 8 kU/L, GLDH (Glutamate dehydrogenase, bovine) $\geq$ 800U/L, NADH 0.25 mM		ml				
9		Calibration serum	10X5ml	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) Chất hiệu chuẩn (dạng đông khô) 5 x 3 ml 2) Huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất từ mô của người và động vật		ml				
10		Control Elevated	10X5ml	1) Huyết thanh đối chứng đông khô 2) Huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất từ mô của người và động vật.		ml				

11		Control Normal	10X5ml	Hóa chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1) Huyết thanh đối chứng đông khô 5 x 5 ml 2) Huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và chiết xuất từ mô của người và động vật		ml				
12		Cuvette	Thùng (Thùng 10,000 cái/1,000 vĩ)	Vật tư dùng cho máy sinh hóa		Thùng				
13		Bóng đèn máy sinh hóa		Vật tư dùng cho máy sinh hóa , được đựng trong túi bảo quản		Cái				
II Hóa chất chạy máy Huyết học Alfa										
14		Swelab Alfa Diluent	20L/thùng	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học		Lít				
15		Swelab Alfa Lyse	5L/thùng	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho máy huyết học		Lít				
16		Haematology control 3 level	Hộp 3x3 ml	Hóa chất chạy chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học 1) Ống 3ml nồng độ cao 2) Ống 3ml nồng độ trung bình 3) Ống 3ml nồng độ thấp		ml				
III Hóa chất thông dụng										
17		Que Thử nước tiểu 11 thông số	100 test/hộp	Đo các thông số sinh hoá của nước tiểu bằng máy phân tích nước tiểu		Test				
18		SD- HIV -1/2 3.0 (Multi)	40 test/hộp	kit thử nhanh phát hiện kháng thể kháng HIV		Test				
19		Quick test H.pylori Ab Combo Rapid Test	30 test/hộp	Định tính phát hiện Hpylori		Test				

20		Quick test Dengue IgM/IgG	20 test/hộp	Định tính phát hiện kháng thể Dengue trong huyết thanh hoặc huyết tương của người		Test				
21		Quick test Dengue NS1 AG	20 test/hộp	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue trong huyết thanh hoặc huyết tương của người		Test				
22		Quick test HbsAg test cassette	40 test/hộp	kit thử nhanh chẩn đoán Hbsag		Test				
23		Hóa chất rửa film Developer	Bình A: 5L, bình B: 500ml và Bình C: 500ml	Thuốc rửa phim hiện hình. Mỗi bộ hiện hình gồm Bình A: 5L, bình B: 500ml và bình C: 500ml		Bộ				
24		Hóa chất rửa film Fixer	Bình A: 5L và bình B: 1L	Thuốc rửa phim định hình. Mỗi bộ định hình gồm Bình A: 5L và bình B: 1L		Bộ				

GIÁM ĐỐC



Trần Bằng Lăng

